

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 176

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 3)

Như luận Thi Thiết nói: “Có năm cõi trời Tịnh Cư, đó là cõi trời Vô Phiền-Vô Nhiệt-Thiện Hiện-Thiện Kiến và Sắc Cứu Cánh.

Thế nào là cõi trời Vô Phiền? Đó là cõi trời Vô Phiền cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, nương tựa đạt được-sự việc đạt được-nơi chốn đạt được, và đã sinh ra Sắc-Thọ-Tướng-Hành-Thức vô phú vô ký của cõi trời ấy, thì gọi là cõi trời Vô Phiền.”

Hỏi: Vì sao cõi trời ấy gọi là Vô Phiền?

Đáp: Đó là giả danh-giả tướng, danh thi thiết-tướng thi thiết, tùy theo ý muốn mà lập ra, không nhất định phải như tên gọi đều có nghĩa ấy.

Lại nữa, cõi trời ấy thân không có phiền não quấy nhiễu, tâm không có phiền não quấy nhiễu, suốt một thời kỳ thọ nhận niềm vui hoàn toàn vắng lặng, không phải là địa dưới vốn có, cho nên gọi là Vô Phiền.

Lại nữa, cõi trời ấy thấy rõ Khổ thật sự là Khổ, Tập thật sự là Tập, Diệt thật sự là Diệt, Đạo thật sự là Đạo, lìa bỏ phiền não thô nặng của địa dưới đã khởi lên, cho nên gọi là Vô Phiền.

Lại nữa, Phiền nghĩa là Quảng, tức là cõi trời Quảng Quả, nay cõi trời này đầu tiên vượt lên trên cõi trời ấy, cho nên gọi là Vô Phiền.

“Thế nào là cõi trời Vô Nhiệt? Đó là cõi trời Vô Nhiệt cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, cho đến nói rộng ra.”

Hỏi: Vì sao cõi trời ấy gọi là Vô Nhiệt?

Đáp: Đó là giả danh-giả tướng, danh thi thiết-tướng thi thiết, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, cõi trời ấy thân không có phiền não nóng bỏng, tâm không có phiền não nóng bỏng, suốt một thời kỳ thọ nhận niềm vui

hoàn toàn mát mẻ, không phải là địa dưới vốn có, cho nên gọi là Vô Nhiệt.

Lại nữa, cõi trời ấy thấy rõ Khổ thật sự là Khổ cho đến Đạo thật sự là Đạo, lia bỏ hơi nóng do phiền não của địa dưới đã khởi lên, cho nên gọi là Vô Nhiệt.

Lại nữa, trong cõi trời Vô Phiền áp sát bên cạnh ngọn lửa phiền não tăng thượng của địa dưới đã khởi lên, cho nên vẫn gọi là nóng bỏng, cõi trời này vượt lên trên cõi trời ấy, cho nên gọi là Vô Nhiệt.

“Thế nào là cõi trời Thiện Hiện? Đó là cõi trời Thiện Hiện cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, cho đến nói rộng ra.”

Hỏi: Vì sao cõi trời ấy gọi là Thiện Hiện? Đáp: Đó là giả danh-giả tướng, danh thi thiết-tướng thi thiết, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, cõi trời ấy có hình sắc đoan chánh tuyệt vời, hơn hẳn hai cõi trời dưới, cho nên gọi là Thiện Hiện.

Lại nữa, cõi trời ấy thấy rõ Khổ thật sự là Khổ cho đến Đạo thật sự là Đạo, lia bỏ mọi cấu trược, tâm thanh tịnh hiển bày rõ ràng, cho nên gọi là Thiện Hiện.

Lại nữa, cõi trời ấy đạt được tu xen lẫn Tĩnh lực thuộc phẩm Thượng, pháp thiện hiển bày rõ ràng, cho nên gọi là Thiện Hiện.

“Thế nào là cõi trời Thiện Kiến? Đó là cõi trời Thiện Kiến cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, cho đến nói rộng ra.”

Hỏi: Vì sao cõi trời ấy gọi là Thiện Kiến?

Đáp: Đó là giả danh-giả tướng, danh thi thiết-tướng thi thiết, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, cõi trời ấy có hình sắc lại càng tuyệt vời hơn, mọi người đều thích ngắm nhìn, cho nên gọi là Thiện Kiến.

Lại nữa, cõi trời ấy thấy rõ Khổ thật sự là Khổ cho đến Đạo thật sự là Đạo, lia bỏ mọi cấu trược, tâm thanh tịnh càng hiển bày rõ ràng, cho nên gọi là Thiện Kiến.

Lại nữa, cõi trời ấy đạt được tu xen lẫn Tĩnh lực thuộc phẩm đầy đủ trọn vẹn thù thắng nhất, pháp thiện đã đạt được càng hiển bày rõ ràng, cho nên gọi là Thiện Kiến.

“Thế nào là cõi trời Sắc Cứu Cánh? Đó là cõi trời Sắc Cứu Cánh cùng một loại Chúng đồng phần làm bạn, cho đến nói rộng ra.”

Hỏi: Vì sao cõi trời ấy gọi là Sắc Cứu Cánh?

Đáp: Đó là giả danh-giả tướng, danh thi thiết-tướng thi thiết, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, cõi trời ấy có hình sắc thật là thù thắng tuyệt vời, nơi

khác không sánh kịp, cho nên gọi là Sắc Cứu Cánh.

Lại nữa, cõi trời ấy thấy rõ Khổ thật sự là Khổ cho đến Đạo thật sự là Đạo, lìa bỏ mọi cấu trược, các cõi trời khác vốn không sánh bằng, cho nên gọi là Sắc Cứu Cánh.

Lại nữa, cõi trời ấy đạt được tu xen lẫn Tĩnh lực thuộc phẩm đầy đủ trọn vẹn thù thắng cao nhất, những căn thiện của cõi Sắc vốn không có thể sánh bằng, cho nên gọi là Sắc Cứu Cánh.

Lại nữa, cõi trời ấy đối với cõi có Sắc là tôn quý nhất-thù thắng nhất-cao nhất, cho nên gọi là Sắc Cứu Cánh.

Lại nữa, cõi trời ấy cũng gọi là cõi trời Ngại Cứu Cánh, Ngại nghĩa là tích tập về Sắc, cõi trời ấy đối với sự tích tập về Sắc này là tôn quý nhất-thù thắng nhất-cao nhất, cho nên gọi là Ngại Cứu Cánh.

Lại nữa, cõi trời ấy cũng gọi là cõi trời Đảnh Cứu Cánh, bởi vì là đỉnh cao của tất cả các cõi có Sắc cho nên cũng là Cứu Cánh.

Hỏi: Cõi trời Tịnh Cư là do nghiệp mà cảm, hay là do tu xen lẫn Tĩnh lực? Nếu như vậy thì có gì sai? Nếu do nghiệp thì tu xen lẫn sẽ trở thành vô ích. Nếu do tu xen lẫn Tĩnh lực thì trái ngược nhau với luận Phẩm Loại Túc đã nói, như luận ấy nói: “Tu xen lẫn Tĩnh lực và do nghiệp cho nên sinh đến cõi trời Tịnh Cư...”

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đó là do nghiệp mà cảm đến.

Hỏi: Tu xen lẫn Tĩnh lực lẽ nào không vô ích hay sao?

Đáp: Bởi vì Tu xen lẫn Tĩnh lực thì nghiệp được quyết định, cho nên không phải là vô ích.

Lại nữa, cần phải tu xen lẫn Tĩnh lực sau đó mới có thể dẫn đến nghiệp Tư ấy hiện rõ trước mắt, từ đây có thể dẫn đến Chúng đồng phần ấy.

Có Sư khác nói: Do tu xen lẫn Tĩnh lực.

Hỏi: Luận Phẩm Loại Túc đã nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Tức là tu xen lẫn Tĩnh lực dùng thanh Nghiệp mà nói.

Lại nữa, luận ấy trước nói “Tu xen lẫn Tĩnh lực”, là bởi vì hiển bày lúc trước tiến vào Định ấy; sau nói “Và do nghiệp cho nên sinh đến cõi trời Tịnh Cư”, là bởi vì hiển bày về sau dựa vào lực của Định ấy cho nên sinh đến cõi trời Tịnh Cư.

Nói như vậy thì cũng do nghiệp lực, cũng do tu xen lẫn Tĩnh lực, nghĩa là nghiệp Tư hiện rõ trước mắt, nhưng nếu không tu xen lẫn Tĩnh lực thì không có thể sinh đến nơi ấy; tuy có tu xen lẫn Tĩnh lực, nhưng nếu không có nghiệp Tư hiện rõ trước mắt, thì cũng không có thể sinh đến

nơi ấy. Vì thế cần phải có nghiệp Tư dẫn dắt tu xen lẫn Tĩnh lự, khiến cho được quyết định thì mới có thể sinh đến nơi ấy.

Hỏi: Những người Học thì lúc ấy tất cả vì đạt được điều chưa đạt được mà Học chẳng? Giả sử vì đạt được điều chưa đạt được mà Học thì lúc ấy tất cả là Học chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Kinh Thi-phước-ca là căn bản của luận này, kinh ấy nói đến Học những điều thuộc về Học (Học-sở Học) cho nên gọi là Học. Đừng có sinh nghi ngờ, những người Hữu học lúc Học những điều thuộc về Học thì mới gọi là Học, lúc trú trong tánh vốn có (bổn tánh) thì không gọi là Học; lúc những người Vô học trú trong tánh vốn có thì mới gọi là Vô học, lúc Học những điều thuộc về Học thì không gọi là Vô học. Muốn làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày về những người Học có lúc trú trong tánh vốn có, những người Vô học cũng Học những điều thuộc về Học, cho nên soạn ra phần luận này.

1. Có lúc Học không phải là vì đạt được điều chưa đạt được mà Học, đó là Học trú trong tánh vốn có.

Có hai nhân duyên gọi là trú trong tánh vốn có:

a. Giữ gìn tánh hiền thiện mà không có sự đổi thay lui sụt (thối chuyển).

b. Giữ gìn đức của mình mà không tiến tới tu tập.

Nay chỉ nói về không tiến tới tu tập thì gọi là trú trong tánh vốn có, đó là hàng Dự lưu không tiến tới tu tập gia hạnh của quả Nhất lai, hàng Nhất lai không tiến tới tu tập gia hạnh của quả Bất hoàn, hàng Bất hoàn không tiến tới tu tập gia hạnh của quả A-la-hán, Tín thắng giải không cầu làm Kiến chí.

Lại nữa, những người Học không cầu khởi lên những pháp chưa đạt được như quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện, Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ, không dẫn dắt phát khởi các Thông, không tu xen lẫn Tĩnh lự, không tiến vào Định Diệt tận, không thọ trì đọc tụng ba Tạng kinh-luật-luận cũng không giảng dạy cho người khác, không ở chốn A-luyện-nhã tư duy quán sát về ba Tạng kinh-luật-luận cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là Học không phải vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

Hỏi: Lúc ấy vì nhân duyên gì mà không Học những điều thuộc về Học?

Đáp: Lúc ấy hoặc vì bệnh kéo dài, hoặc thiếu duyên giúp đỡ, dấy lên tư duy như vậy: Mình đã trải qua vô lượng sinh tử, chỉ còn lại bảy đời, hoặc chỉ còn lại một đời. Có lúc nghĩ rằng mình đã ra khỏi bùn lầy của cõi Dục, chỉ còn lại chút ít của cõi trên, đời hiện tại đã khổ đau lo lắng, hoặc thiếu duyên giúp đỡ, may mắn có thể ngừng nghỉ chút ít, vội vàng gì tiến tới tu tập? Vì vậy người Học không Học những điều thuộc về Học.

2. Có lúc vì đạt được điều chưa đạt được mà Học nhưng lúc ấy không phải là Học, đó là A-la hán và dị sinh tiến tới cầu pháp phía trên.

Trong này, pháp phía trên là công đức thù thắng, tức là Thời giải thoát cầu làm Bất động, và A-la hán khởi lên những pháp chưa đạt được như quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện, Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ, dẫn dắt phát khởi các Thông, tu xen lẫn Tĩnh lự, tiến vào Định Diệt tận; khởi lên Vô ngại giải, Vô tranh, Nguyên trí, Định Biên tế, Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng; thọ trì đọc tụng ba Tạng kinh-luật-luận, hoặc là giảng dạy cho người khác, hoặc là ở chốn A-luyện-nhã, tư duy quán sát về ba Tạng kinh-luật-luận, hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng.

Và dị sinh cầu lìa nhiễm cõi Dục, lìa nhiễm cõi Sắc, lìa một phần nhiễm cõi Vô sắc; hoặc là khởi lên quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Niệm trú, ba Nghĩa quán, bảy Xứ thiện, Noãn-Đảnh-Nhãn-Thế đệ nhất pháp, Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ, dẫn dắt phát khởi các Thông, tiến vào Định Diệt tận; thọ trì đọc tụng ba Tạng kinh-luật-luận, hoặc là giảng dạy cho người khác, hoặc là ở chốn A-luyện-nhã, tư duy quán sát về ba Tạng kinh-luật-luận, hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là vì đạt được điều chưa đạt được mà Học nhưng lúc ấy không phải là Học.

Hỏi: Vì sao A-la hán lại Học những điều thuộc về Học? Đáp: Lúc ấy tuy không vì đoạn phiền não cho nên Học, mà vì yêu thích công đức thù thắng cho nên Học.

3. Có lúc Học cũng vì đạt được điều chưa đạt được mà Học, đó là Học tiến tới cầu pháp phía trên, tức là hàng Dự lưu tiến tới tu tập gia hạnh của quả Nhất lai, nói rộng ra cho đến hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là Học cũng vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

4. Có lúc không phải là Học cũng không phải là vì đạt được điều

chưa đạt được mà Học, đó là A-la hán và dị sinh trú trong tánh vốn có, tức là Thời giải thoát không cầu làm Bất động, nói rộng ra cho đến cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng; và dị sinh không cầu lìa nhiễm cõi Dục, nói rộng ra cho đến cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là không phải Học cũng không phải vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

Hỏi: Những người Vô học thì lúc ấy tất cả không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học chẳng? Giả sử không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học thì lúc ấy tất cả là Vô học chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Vô học không phải là không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học, đó là A-la hán tiến tới cầu pháp phía trên, tức là Thời giải thoát cầu làm Bất động, và A-la hán khởi lên những pháp chưa đạt được như quán Bất tịnh, Trì tức niệm, nói rộng ra cho đến hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là Vô học không phải là không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

2. Có lúc không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học nhưng lúc ấy không phải là Vô học, đó là Học và dị sinh trú trong tánh vốn có, tức là hàng Dự lưu không tiến tới tu tập gia hạnh của quả Nhất lai, nói rộng ra cho đến cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng; và dị sinh không vì lìa nhiễm cõi Dục, cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học nhưng lúc ấy không phải là Vô học.

3. Có lúc Vô học cũng không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học, đó là A-la hán trú trong tánh vốn có, tức là Thời giải thoát không cầu làm Bất động, và A-la hán không cầu khởi lên những pháp chưa đạt được như quán Bất tịnh, Trì tức niệm, nói rộng ra cho đến cũng không chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là Vô học cũng không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

4. Có lúc không phải là Vô học cũng không phải là không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học, đó là Học và dị sinh tiến tới cầu pháp phía trên, tức là hàng Dự lưu tiến tới tu tập gia hạnh của quả Nhất lai, nói rộng ra cho đến hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng; và dị sinh cầu lìa nhiễm cõi Dục, nói rộng ra cho đến hoặc lại chịu khó quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng. Đó gọi là không phải là Vô học cũng không phải là không vì đạt được điều chưa đạt được mà Học.

Hỏi: Vì Học những điều thuộc về Học cho nên gọi là Học, hay là

vì đạt được pháp Học cho nên gọi là Học? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu như Học những điều thuộc về Học cho nên gọi là Học, thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: Học trú trong tánh vốn có. Nếu như đạt được pháp Học cho nên gọi là Học, thì trong kinh nói nên hiểu thế nào? Như nói: Học những điều thuộc về Học.

Đáp: Có người nói: Đạt được pháp Học cho nên gọi là Học, đó là nếu Học hay là không Học nhưng thành tựu pháp Học thì gọi là Học.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Kinh ấy chỉ dựa vào người Học hiện tại mà nói, chứ không nói đến tất cả.

Lại nữa, kinh ấy dựa vào ý thích không dừng lại cho nên đưa ra cách nói như vậy. Nghĩa là những người Học nếu khởi lên tâm thiện, hay là khởi lên tâm bất thiện-vô ký, hoặc là khởi lên gia hạnh, hay là không khởi lên gia hạnh, thì lúc ấy tất cả ý thích về Học chưa hề ngừng bỏ, bởi vì không vĩnh viễn rời bỏ gia hạnh. Như người đi đường, lúc tạm thời dừng chân nghỉ ngơi, người khác hỏi rằng đi đến nơi nào? Người ấy trả lời rằng đi đến nơi ấy. Lúc ấy cũng bởi vì ý thích không dừng lại, cho nên tuy dừng lại nhưng nói là đi đến; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Học những điều thuộc về Học cho nên gọi là Học.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: Học trú trong tánh vốn có.

Đáp: Văn này dựa vào tạm thời ngừng gia hạnh mà nói, nhưng bởi vì ý thích không rời bỏ Học, cho nên gọi là Học những điều thuộc về Học.

Lại nữa, lúc Học trú trong tánh vốn có, tuy không khởi lên tâm-tâm sở pháp... thuộc về Học, mà Học ấy có thể luôn luôn hiện hành, dựa vào nghĩa này cho nên gọi là Học những điều thuộc về Học.

Hỏi: Nếu người Học là không Học, người Vô học là Học, thì tại sao kiến lập Học-Vô học khác nhau? Đáp: Ở trong phần vị Thánh giả, căn cứ theo đoạn trừ phiền não mà kiến lập Học-Vô học, chứ không dựa vào tu tập công đức thù thắng, vì thế cho nên có khác nhau.

Thuận lưu là nghĩa gì? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: “Có bốn Bồ-đặc-già-la:

1. Thuận lưu.
2. Nghịch lưu.
3. Trung trú.

4. Đáo bỉ ngạn.”

Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt rộng ra, kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh ấy không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thuận lưu là nghĩa gì?

Đáp: Làm cành nhánh, làm cửa ngõ, làm quan hệ, làm con đường, làm dấu vết hương đến, đối với các sinh loại, các nẻo, các cõi, các chủng loại, các sinh tử, là nghĩa của thuận lưu.

Hỏi: Nghịch lưu là nghĩa gì?

Đáp: Làm cành nhánh, làm cửa ngõ, làm quan hệ, làm con đường, làm dấu vết hương đến, đối với diệt sinh loại, diệt nẻo, diệt cõi, diệt chủng loại, diệt sinh tử, là nghĩa của nghịch lưu.

Lưu có nhiều loại, hoặc nói về Thánh đạo gọi là lưu, hoặc nói về nghiệp gọi là lưu, hoặc nói về ái gọi là lưu, hoặc nói về sinh tử gọi là lưu. Trong này, lưu là chỉ nói về sinh tử.

Lại trong kinh nói: “Thuận lưu là thế nào? Đó là luyện tập về các Dục và tạo ra nghiệp ác. Nghịch lưu là thế nào? Đó là không luyện tập về các Dục, không tạo ra nghiệp ác.”

Nên biết kinh ấy dựa vào một đời mà kiến lập về Thuận lưu và Nghịch lưu. Trong này đã nói là dựa vào nhiều đời mà kiến lập về Thuận lưu và Nghịch lưu.

Lại nữa, kinh ấy dựa vào thời gian ngắn khởi lên Dục ác-lìa bỏ Dục ác mà kiến lập về Thuận lưu và Nghịch lưu. Vì vậy, chưa lìa nhiễm cõi Dục thì Thánh giả cũng gọi là Thuận lưu, đã lìa nhiễm cõi Dục thì dị sinh cũng gọi là Nghịch lưu. Trong này đã nói là dựa vào thời gian dài hưởng về sinh tử-rời bỏ sinh tử mà kiến lập về Thuận lưu và Nghịch lưu. Vì vậy, có người đã lìa nhiễm cõi Sắc mà gọi là Thuận lưu, có người chưa lìa nhiễm cõi Dục mà gọi là Nghịch lưu.

Các sinh loại, đó là bốn loại Sinh. Các nẻo, đó là năm nẻo. Các cõi, đó là ba cõi. Các chủng loại, đó là chủng loại sai biệt như địa-xứ... Các sinh tử, đó là sự lưu chuyển sai biệt từ vô thủy đến nay, cho đến về sau. Làm cành nhánh, đó là mười hai cành nhánh của Hữu. Làm cửa ngõ, đó là nghiệp và phiền não. Làm quan hệ, đó là nơi nương tựa. Làm con đường, đó là con đường đi đến sinh tử. Làm dấu vết hương đến, đó là dấu vết hương đến tiến vào Tát-ca-da (hữu thân kiến).

Trong này, năm câu trước nêu rõ về sinh tử, năm câu sau nêu rõ về nuôi lớn sinh tử, thấu nhiếp tiếp nhận sinh tử, tùy ý duy trì sinh tử, không đoạn tuyệt sinh tử, tùy thuận tăng thêm sinh tử, như dòng sông

tuôn chảy mà không có khô cạn.

Trong nghĩa của Nghịch lưu, năm loại như sinh loại..., nói như trước. Sai biệt là được diệt bỏ đối với những loại ấy. Làm cành nhánh, đó là tám chi Thánh đạo. Làm cửa ngõ, đó là quán Bất tịnh, Trì tức niệm... Làm quan hệ, đó là ba Giải thoát môn. Làm con đường, đó là hướng đến con đường diệt bỏ sinh tử. Làm dấu vết hương đến, đó là dấu vết hương đến diệt bỏ Tát-ca-da kiến.

Trong này, năm câu trước nêu rõ về diệt bỏ sinh tử, năm câu sau nêu rõ có thể hủy diệt sinh tử mà không phải là nuôi lớn, có thể rời bỏ sinh tử mà không phải là thâm nhiếp tiếp nhận, có thể phá tan sinh tử mà không phải là tùy ý duy trì, có thể đoạn tuyệt đoạn tuyệt sinh tử mà không phải là không đoạn tuyệt, có thể xa lìa giảm bớt sinh tử mà không phải là tùy thuận tăng thêm, như chỗ đê vỡ dần dần làm cho khô cạn.

Hỏi: Đến đâu thì gọi là Thuận lưu và Nghịch lưu?

Đáp: Có người nói: Cho đến Khổ pháp trí nhãn chưa sinh thì gọi là Thuận lưu, đã sinh thì gọi là Nghịch lưu.

Có người nói: Cho đến Thế đệ nhất pháp chưa sinh thì gọi là Thuận lưu, đã sinh thì gọi là Nghịch lưu.

Có người nói: Cho đến Nhẫn tăng thượng chưa sinh thì gọi là Thuận lưu, đã sinh thì gọi là Nghịch lưu.

Có người nói: Cho đến pháp Nhẫn.

Có người nói: Cho đến pháp Đảnh.

Có người nói: Cho đến pháp Noãn.

Có người nói: Cho đến Niệm trú.

Có người nói: Cho đến quán Bất tịnh, Trì tức niệm... chưa sinh thì gọi là Thuận lưu, đã sinh thì gọi là Nghịch lưu.

Nói như vậy thì nếu chưa gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát thì gọi là Thuận lưu, đã gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát thì gọi là Nghịch lưu.

Nguyên cơ thế nào? Bởi vì vô lượng hữu tình tuy có thể cúng dường cho các Sa-môn và Bà-la-môn, bố thí cho những người nghèo khó-cô độc, đi xa mệt nhọc và người khổ hạnh, các loại đồ ăn thức uống-áo quần-đồ nằm-thuốc men chữa bệnh-nhà cửa-đèn sáng-hương hoa, cùng với các loại châu báu mà họ cần đến, còn thiết hội lớn cúng tế bình đẳng (vô giá hội), như Phệ-ma-la, Bất Cang Cường... Nhưng bởi vì họ không gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, cho nên ở trong sinh tử lâu dài nhận lấy quả ấy rồi, trở lại sinh vào ngạ quỷ nhận chịu

nổi khổ đói khát trải qua trăm ngàn năm, thậm chí không nghe đến tên gọi của ăn uống; hoặc là sinh trong loài người thì nghèo túng hèn mạt, lắm điều khổ não.

Hoặc lại thấy có vô lượng hữu tình, giữ gìn cấm giới, học nhiều hiểu rộng, thọ trì đọc tụng ba tạng kinh-luật-luận, giải thích phân biệt văn nghĩa thông suốt; lại có thể hiểu thông các luận của thế tục, đó là các luận về Kỳ, luận về Nhân, luận về Vương pháp, luận về các phương pháp chữa bệnh, luận về nghệ thuật tinh xảo...; hoặc lại thành thạo đủ cả các luận của ngoại đạo, đó là các luận về Thắng, luận về Số, luận về Minh, luận về Thuận thế gian, luận về Ly hệ... Bởi vì họ không gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, cho nên ở trong sinh tử lâu dài nhận lấy quả ấy rồi, trở lại sinh trong nẻo bàng sinh, làm thân của các loài trâu-dê-la-lừa..., ngu si mù lòa thậm chí không thể nói được; hoặc sinh trong loài người thì đui điếc câm ngọng, tối tăm chậm chạp không có trí tuệ.

Hoặc lại thấy có vô lượng hữu tình, tu tập các pháp Định, hoặc lìa nhiễm của cõi Dục, hoặc lìa nhiễm của cõi Sắc, hoặc lìa một phần nhiễm của cõi Vô sắc, trú trong tám Đăng chí, khởi lên bốn Vô lượng, dẫn dắt phát ra năm Thông. Bởi vì họ không gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, cho nên ở trong sinh tử lâu dài nhận lấy quả ấy rồi, trở lại sinh vào nẻo địa ngục, nhận chịu những nỗi khổ đau khốc liệt; hoặc sinh vào nẻo bàng sinh làm thân mãng xà, phun ra hơi độc hừng hực làm cho núi lở đá nhào; hoặc sinh trong loài người thì làm hạng Chiên-đồ-la, Bồ-yết-sa..., tạo nghiệp xấu ác.

Những loại như vậy tuy tạm thời thọ phước, mà trở lại rơi vào nẻo ác, cho nên đều gọi là Thuận lưu.

Nếu các hữu tình, hoặc chỉ bố thí một nắm thức ăn, hoặc chỉ thọ trì giới một ngày đêm, hoặc thậm chí đọc bài tụng bốn câu, hoặc trong chốc lát tu gia hạnh về Định, mà có thể gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát. Từ đây về sau tuy bởi vì phiền não mà tạo tác các loại hành ác của thân-ngữ-ý, hoặc gây ra nghiệp vô gián, hoặc lại đoạn diệt tất cả căn thiện, thậm chí trong thân không có một chút chủng tử của pháp thiện, rơi vào địa ngục vô gián nhận chịu các loại khổ đau, nhưng được gọi là dừng nơi bến bờ của Niết-bàn, bởi vì họ chắc chắn được nhập Niết-bàn.

Trong này có thí dụ, như người câu cá dùng thức ăn làm mồi nhử, gắn ở trên lưới câu đưa vào trong nước sâu, có con cá nuốt lấy mồi câu, con cá ấy lúc bấy giờ tuy còn bơi lội đùa vui, hoặc là bơi vào trong hang,

nhưng nên biết đã gọi là nằm ở trong tay người câu cá, bởi vì không bao lâu chắc chắn sẽ đến trên bờ.

Vì vậy cho nên nói: Thà làm ĐỀ-bà-đạt-đa mà rơi vào địa ngục vô gián, chứ không làm Ốt-đạt-lạc-ca-át-ma-la-tử sinh đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì ĐỀ-bà-đạt-đa tuy tạo ra ba nghiệp vô gián, đoạn các căn thiện, rơi vào địa ngục vô gián, mà vào lúc con người thọ đến bốn vạn tuổi, sẽ đạt được BỒ-đề Độc giác, lợi căn hơn hẳn XÁ-lợi-tử... Ốt-đạt-lạc-ca-át-ma-la-tử tuy lìa nhiễm của tám địa, trú trong tám Đẳng chí, Xa-ma-tha cao nhất, sắp vượt qua ba cõi, đến gần cửa Cam lộ, sinh đến Phi tướng phi phi tướng xứ, trải qua tám vạn Đại kiếp thọ nhận niềm vui vắng lặng; bởi vì lực của nghiệp ác, mà sinh vào chốn A-luyện-nhã ở trong rừng Khổ hạnh, làm loài chồn bay mang theo đôi cánh, bắt chim thú để ăn thịt, các loài sinh sống trong nước-trên đất-giữa bầu trời, không có loài nào có thể thoát được. Do hành ác này, mạng chung sẽ rơi vào địa ngục vô gián, nhận chịu tất cả các loại khổ đau khốc liệt khó mà chịu nổi.

Đức Phật không ghi nhận thời gian được giải thoát của người ấy. Vì thế cho nên nói: Tuy cư trú trong rừng Khổ hạnh mà gọi là người Thuận lưu, tuy ở trong cảnh giới của năm dục mà gọi là người Nghịch lưu.

Trong này có thí dụ, như người ôm hai cái bình đi xa, một cái bằng vàng, một cái bằng sành. Trượt chân mà ngã nhào, hai cái bình đều vỡ toang, lúc bấy giờ người ấy không tiếc cái bình vàng, mà tiếc cái bình sành, vì vậy than thở hối hận. Người ta hỏi nguyên cớ vì sao, người ấy trả lời đầy đủ việc ấy. Người ta lại hỏi vặn: Cái bình vàng vỡ toang mà ông có thể không tiếc, sao lại thương tiếc một cái bình sành? Người ấy lại trả lời rằng: Ông quả thật ngu si! Nguyên cớ thế nào? Bởi vì cái bình vàng vỡ rồi tuy mất đi hình dáng cái bình, nhưng không mất đi Thể của cái bình, trở về giao cho thợ vàng có thể làm cho giống như ban đầu, hoặc là hơn hẳn ban đầu; cái bình sành vỡ rồi thì hình dáng và Thể chất đều mất đi, tuy giao cho thợ gốm, mà thậm chí không có thể sửa chữa để làm vật dụng khác, huống là cái bình ban đầu hay sao? Vì thế cho nên nay tôi không than cho cái bình vàng mà tiếc cho cái bình sành!

Như vậy, bởi vì Thiên Thụ đã gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, cho nên tuy tạo ra nhiều điều ác phải sinh trong địa ngục, mà sẽ thành tựu BỒ-đề Độc giác, lợi căn hơn hẳn XÁ-lợi-tử..., như cái bình vàng ấy vỡ toang rồi vẫn làm lại được; bởi vì Mãnh Hỷ Tử không gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, cho nên tuy lìa nhiễm của

tám địa, sinh đến cõi trời Hữu Đảnh, mà cuối cùng rơi vào nẻo ác không có hạn kỳ giải thoát, như cái bình sành kia vỡ toang rồi không còn tác dụng.

Vì thế cho nên người chưa gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát thì gọi là Thuận lưu, người đã gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát thì gọi là Nghịch lưu.

Hỏi: Căn thiện thuận phần Giải thoát ở nơi thân hữu tình, tướng ấy rất vi tế, đã gieo trồng-chưa gieo trồng làm sao có thể biết được?

Đáp: Bởi vì tướng cho nên biết. Căn ấy có tướng gì? Đó là nếu lúc nghe Thiện hữu nói đến Chánh pháp, thì toàn thân nổi gai ốc, đau buồn rơi nước mắt, chán ngán lia xa sinh tử, vui mừng hưởng đến niết-bàn, sinh lòng kính yêu sâu sắc đối với Chánh pháp và Pháp sư. Nên biết là quyết định đã gieo trồng căn thiện thuận phần Giải thoát, nếu không có thể như vậy thì nên biết là chưa gieo trồng.

Trong này có thí dụ, như người gieo hạt giống ở trong thửa ruộng rồi, qua một thời gian dài sinh lòng nghi ngờ: Trong thửa ruộng này mình đã từng gieo hạt giống hay không? Lưỡng lự chưa quyết định, người bên cạnh nói rằng: Đâu đáng phân vân, nay ông chỉ cần dùng nước để tưới thấm, dùng phân để phủ lên, nếu hạt giống nảy mầm thì biết là đã gieo, không như vậy thì không gieo. Người ấy như lời nói ấy liền có được quyết định. Như vậy, hành giả tự mình nghi ngờ trong thân đã từng gieo chủng tử Giải thoát hay không? Lúc ấy Thiện hữu bên nói cho biết rằng: Nay ông có thể đi đến nơi giảng pháp, nếu lúc nghe pháp mà toàn thân nổi gai ốc, đau buồn rơi nước mắt, cho đến sinh lòng kính yêu sâu sắc đối với Chánh pháp và Pháp sư, thì nên biết là đã gieo trồng chủng tử Giải thoát, không như vậy thì không gieo. Vì vậy nhờ vào tướng này mà có thể biết rõ ràng.

Hỏi: Tự trú là nghĩa gì?

Đáp: Không phải là làm cành nhánh cho đến làm dấu vết hương về đối với các sinh loại cho đến các sinh tử, cũng không phải là làm cành nhánh cho đến làm dấu vết hương về đối với diệt sinh loại cho đến diệt sinh tử, là nghĩa của tự trú. Đây gọi là phần ít việc cần làm đã hoàn thành, hoặc là tất cả những việc cần làm đã hoàn thành, ý thích dừng lại một lúc, hoặc là dừng lại hoàn toàn. Không giống như người Thuận lưu và Nghịch lưu, đối với sinh tử và Niết-bàn đều làm những việc đã làm, bởi vì ý thích không dừng lại cho nên gọi là tự trú, tức là nghĩa về trú trong phạm vi của mình.

Hỏi: Các A-la-hán thì lúc ấy tất cả là tự trú chăng? Giả sử tự trú

thì lúc ấy tất cả là A-la-hán chăng?

Đáp: Các A-la-hán thì lúc ấy tất cả đều là tự trú. Lúc ấy là trú nơi nào? Đó là trú vào đoạn và biết khắp tất cả kiết không còn trong quả A-la-hán, lìa nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ. Có lúc tự trú mà không phải là A-la-hán, đó là Bất hoàn. Lúc ấy là trú nơi nào? Đó là trú vào đoạn và biết khắp năm kiết thuận phần dưới trong quả Bất hoàn, lìa nhiệm của cõi Dục. Như Đức Thế Tôn nói:

“Vĩnh viễn đoạn trừ năm phiền não, Học đầy đủ không pháp dẫn dắt,

Đạt được tự tại và căn Định, chính người này gọi là tự trú.”

Năm phiền não, đó là năm Cái và năm kiết thuận phần dưới, bởi vì Bất hoàn đã trừ hết, cho nên nói là vĩnh viễn đoạn trừ. Học đầy đủ, đó là Quả tròn đầy-Căn đầy đủ chứ không phải là Đẳng chí đầy đủ. Không có pháp dẫn dắt, đó là nghiệp-piền não của cõi Dục vốn không có thể dẫn dắt. Đạt được tự tại, đó là đạt được tâm tự tại, tức là đối với Tha tâm trí chứng thông đạt được nghĩa tự tại cứu cánh. Đạt được căn Định, đó là do thành tựu Tĩnh lực mà thâm nhiếp căn thuộc về Tam-ma-địa. Chính người này gọi là tự trú, đó là trú vào đoạn và biết khắp năm kiết thuận phần dưới trong quả Bất hoàn, lìa nhiệm của cõi Dục.

Hỏi: Những người đạt được giới Vô học (cực cấm) thì lúc ấy tất cả đạt được bốn loại Thần túc (cực tích) chăng? Giả sử đạt được bốn loại Thần túc thì lúc ấy tất cả đạt được giới Vô học chăng?

Đáp: Những người đạt được giới Vô học thì lúc ấy tất cả đạt được bốn loại Thần túc.

Nguyên cố thế nào? Bởi vì giới Vô học gọi là Cực cấm, bốn loại Thần túc gọi là Cực tích, cho nên có những người đã đạt được giới Vô học, nhất định cũng đến nơi đạt được bốn loại Thần túc.

Có lúc đạt được bốn loại Thần túc mà không phải là đạt được giới Vô học, đó là Bất hoàn. Như Đức Thế Tôn nói: “Thế nào là Tỳ kheo đạt được bốn loại Thần túc? Đó là vĩnh viễn đoạn và biết khắp đối với năm kiết thuận phần dưới.”

Nguyên cố thế nào? Bởi vì Bất hoàn thì đã đạt được bốn loại Thần túc, mà chưa đạt được giới Vô học.

Hoặc đưa ra cách nói này: Những người đạt được bốn loại Thần túc thì lúc ấy tất cả đến bờ giải thoát (đáo bỉ ngạn) chăng? Giả sử đến bờ giải thoát thì lúc ấy tất cả đạt được bốn loại Thần túc chăng?

Đáp: Những người đạt được bốn loại Thần túc thì lúc ấy tất cả đến bờ giải thoát.

Nguyên cơ thế nào? Bởi vì tất cả kiết không còn thì gọi là bốn loại Thần túc. Như trong kinh nói: “Tích gọi là Niết-bàn, vĩnh viễn đoạn trừ năm kiết không còn luân hồi sinh tử thì gọi là đến bờ giải thoát.” Các A-la-hán, thân đã tác chứng thì gọi là đạt được bốn loại Thần túc, đã đoạn trừ năm kiết thuận phần trên, không còn luân hồi sinh tử trong ba cõi thì gọi là đến bờ giải thoát.

Có lúc đến bờ giải thoát mà không phải là đạt được bốn loại Thần túc, đó là Bất hoàn. Như Đức Thế Tôn nói: “Thế nào là Tỳ kheo gọi là đến bờ giải thoát?”

Đó là vĩnh viễn đoạn và biết khắp đối với năm kiết thuận phần dưới.” Bởi vì đoạn kiết này, cho nên không còn luân hồi sinh tử trong cõi Dục, thì gọi là đến bờ giải thoát.

Lại nữa, A-la-hán lại tiếp tục đến bờ giải thoát đối với ba cõi, đó là lúc đoạn kiết do Kiến mà đoạn, Kiết do Tu mà đoạn của ba cõi. Bất hoàn cũng lại tiếp tục đến bờ giải thoát đối với cõi Dục, đó là lúc đoạn kiết do Kiến mà đoạn, Kiết do Tu mà đoạn của cõi Dục, mà bởi vì chưa đạt được Niết-bàn cho nên không gọi là đạt được bốn loại Thần túc.

Hoặc đưa ra cách nói này: Các A-la-hán thì lúc ấy tất cả không còn nguồn gốc chướng? Giả sử không còn nguồn gốc thì lúc ấy tất cả là A-la-hán chướng?

Đáp: Các A-la-hán thì lúc ấy tất cả không còn nguồn gốc.

Có lúc không còn nguồn gốc mà không phải là A-la-hán, đó là Bất hoàn. Như Đức Thế Tôn nói: “Thế nào là Tỳ kheo không còn nguồn gốc? Đó là vĩnh viễn đoạn và biết khắp đối với năm kiết thuận phần dưới.” Trong này, hai cách giải thích nói như đến bờ giải thoát.

Đến đâu thì gọi là Bồ-tát? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: “Có một hữu tình, là chủng loại không ngu, là chủng loại thông tuệ, đó là Bồ-đề Tát-đỏa.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt, đến đâu thì gọi là Bồ-tát, đạt được gì thì gọi là Bồ-tát? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, bởi vì đoạn trừ tâm lý của người thật sự không phải là Bồ-tát mà khởi lên Tăng thượng mạn cho là Bồ-tát, cho nên soạn ra phần luận này.

Nguyên cơ thế nào? Bởi vì có những hữu tình đem một bữa ăn để bố thí, hoặc đem một cái áo, hoặc một chỗ ở, cho đến hoặc đem một

cái tắm rửa răng để bố thí, hoặc thọ trì một giới, hoặc tụng một bài kệ, hoặc một lần nhiếp tâm quán tưởng Bất tịnh..., mà không sợ hãi gì (sư tử hống) nói ra lời như vậy: Tôi nhờ vào điều này cho nên nhất định sẽ làm Phật. Bởi vì đoạn trừ tâm niệm Tăng thượng mạn như vậy, hiển bày tuy trải qua ba Vô số kiếp tu đầy đủ các loại khổ hạnh khó thực hành, nếu như chưa tu tập về nghiệp của Diệu tướng thì hãy còn chưa nên nói mình là Bồ-tát, huống là người Tăng thượng mạn vô cùng kém cõi ấy hay sao? Vì vậy Bồ-tát cho đến lúc hết Vô số kiếp thứ nhất, tuy tu đầy đủ các loại khổ hạnh khó thực hành, mà chưa có thể quyết định tự biết mình làm Phật; lúc hết Vô số kiếp thứ hai, tuy có thể quyết định tự biết mình làm Phật, mà hãy còn chưa dám phát khởi tâm niệm không sợ hãi, nói là mình sẽ làm Phật; hết Vô số kiếp thứ ba, lúc đã tu tập về nghiệp của Diệu tướng, cũng quyết định biết mình sẽ làm Phật, cũng phát khởi tâm niệm nói lời không sợ hãi giống như Sư tử gầm lên: Ta sẽ làm Phật.

Hỏi: Đến đâu thì gọi là Bồ-tát?

Đáp: Đến lúc có thể tạo tác tăng trưởng về nghiệp dị thực của Diệu tướng.

Hỏi: Nếu các hữu tình phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (A nậu đa la tam miệu tam bồ đề) luôn luôn không lui sụt thay đổi, thì từ đó đã thuận theo nói là Bồ-tát, vì sao cho đến lúc tạo tác tăng trưởng về nghiệp dị thực của Diệu tướng mới gọi là Bồ-tát? Đáp: Nếu quyết định đối với Bồ-đề và quyết định nơi đến thì mới gọi là Bồ-tát chân thật. Từ lúc mới phát tâm cho đến nay chưa tu về nghiệp của Diệu tướng, tuy quyết định đối với Bồ-đề, mà nơi đến chưa quyết định, thì chưa được gọi là Bồ-tát chân thật. Cần phải đến lúc tu tập về nghiệp của Diệu tướng, mới quyết định đối với Bồ-đề, nơi đến cũng quyết định. Vì thế cho nên đến đây mới gọi là Bồ-tát.

Lại nữa, lúc tu về nghiệp của Diệu tướng, hoặc là loài người hay là loài trời cùng nhận biết vị ấy là Bồ-tát, cho nên gọi là Bồ-tát; lúc chưa tu về nghiệp của Diệu tướng, chỉ có loài trời nhận biết, cho nên chưa được gọi là Bồ-tát chân thật.

Lại nữa, lúc tu về nghiệp của Diệu tướng, rời bỏ năm điều xấu kém-đạt được năm điều tốt đẹp:

1. Rời bỏ các nẻo ác, luôn luôn sinh đến nẻo thiện.
2. Rời bỏ gia đình hèn kém, luôn luôn sinh đến gia đình cao quý.
3. Rời bỏ thân không phải là nam, luôn luôn đạt được thân nam.
4. Rời bỏ căn không đầy đủ, luôn luôn đầy đủ các căn.

5. Rồi bỏ có lúc quên mất ý niệm, luôn luôn đạt được tự tánh sinh khởi ý niệm. Vì vậy được gọi là Bồ-tát chân thật. Lúc chưa tu về nghiệp của Diệu tướng, cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên không gọi là Bồ-tát chân thật.

Hỏi: Bồ-tát đạt được tự tánh sinh khởi ý niệm này có gì lợi ích?

Đáp: Bồ-tát đạt được tự tánh sinh khởi ý niệm này, lìa bỏ lỗi lầm của hữu tình, tích tập nghe nhiều hiểu rộng, tin sâu sắc đối với nhân quả, khéo thâm nhiếp đồ chúng, lời dạy-lời khuyên đã nói hoàn toàn không vô ích, tư lương Bồ-đề lại càng đầy đủ trọn vẹn, đây là lợi ích.

Hỏi: Đạt được gì thì gọi là Bồ-tát?

Đáp: Đạt được nghiệp dị thực của tướng.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi có được quyết định, đó là trước nói ra điều này: Đến lúc có thể tạo tác tăng trưởng về nghiệp dị thực của tướng, thì gọi là Bồ-tát. Đừng có sinh lòng nghi ngờ, tuy đến phần vị này thì gọi là Bồ-tát, mà tên gọi Bồ-tát hoặc là do chứng được những pháp thù thắng khác. Muốn hiển bày chính là do nghiệp dị thực của tướng mà được tên gọi Bồ-tát, chứ không do pháp khác, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nhờ vào Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa, vì sao lúc chưa chứng được thì tên gọi này Tùy chuyển, và chứng được rồi thì không Tùy chuyển mà lại gọi là Phật-đà?

Đáp: Bởi vì lúc Tát-đỏa này chưa đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng ý thích tăng thượng luôn luôn tùy thuận Bồ-đề, hướng về Bồ-đề, gần gũi Bồ-đề, yêu thích Bồ-đề, tôn trọng Bồ-đề, khát ngưỡng Bồ-đề, cầu chứng-muốn chứng, không lơi lỏng-không dừng nghỉ, tâm ở trong Bồ-đề không có tạm thời rời bỏ, vì thế cho nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Người ấy đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, ý thích-gia hạnh đối với cầu mong Bồ-đề cũng đều dừng lại, chỉ đối với sự thành tựu về nghĩa Giác ngộ là hơn hẳn, tất cả si mê nhiễm ô hay không nhiễm ô đều vĩnh viễn đoạn trừ, cho nên Giác ngộ rõ ràng về tất cả các Trí cảnh (nhĩ diệm) thuộc Thắng nghĩa và Thế tục. Vì thế lại có năng lực Giác ngộ vô lượng hữu tình, tùy theo căn tánh và ý muốn mà làm lợi ích nhiều hơn. Bởi vì những nghĩa thù thắng về Giác ngộ như vậy, cho nên gọi là Phật-đà, chứ không gọi là Bồ-tát.

Lại nữa, Tát-đỏa là nghĩa của người dũng mãnh, lúc chưa đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, luôn luôn tinh tiến dũng mãnh đối với Bồ-đề, cầu mong nhanh chóng chứng được, vì thế cho nên gọi là

Bồ-đề Tát-đỏa. Đã đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, thì tâm dũng mãnh đối với Bồ-đề dừng lại, chỉ đối với nghĩa Giác ngộ là hơn hẳn, cho nên gọi là Phậ-đà, bởi vì có năng lực thành tựu Giác ngộ thù thắng nhất.

